

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

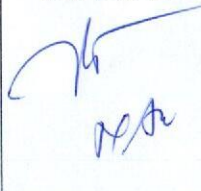
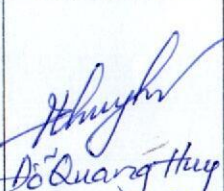
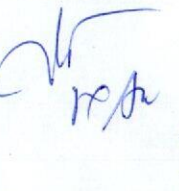
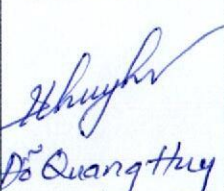
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh) (228249) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (280096)**

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

| Cán bộ coi thi 1                                                                    | Cán bộ coi thi 2                                                                    | G.Viên chấm thi 1                                                                   | G.Viên chấm thi 2                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |

| STT | Mã SV      | Họ và Tên            | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV                                                                             | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên                 | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân     |
|-----|------------|----------------------|------------|----------|-------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|---------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | 2119180003 | TRẦN NGỌC ÁI         | 23/07/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 2   | 2119180001 | VÕ NGỌC AN           | 16/12/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 3   | 2119180002 | NGUYỄN TUẤN ANH      | 16/05/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.5      | 9.0       | 9.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 4   | 2119180005 | NGUYỄN PHAN QUỐC BẢO | 24/01/2000 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 5   | 2119180006 | NGUYỄN TRỌNG DUY     | 30/12/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 6   | 2117180059 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT     | 19/10/1999 | CCQ1718B |       |             |    | 9.0      | 9.0       | 9.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 7   | 2119180008 | TRẦN QUỐC ĐẠT        | 22/08/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 8   | 2119180010 | LÊ HỒNG HÀO          | 15/08/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 10       | 8.0       | 9.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 9   | 2119180012 | LÊ HOÀNG HIỆP        | 23/05/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 10  | 2119180014 | HỒ THANH HÙNG        | 02/07/2001 | CCQ1918A |       |             |   | 9.0      | 9.0       | 9.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 11  | 2119180015 | NGUYỄN XUÂN HÙNG     | 06/01/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 12  | 2119180017 | ĐÀO TRUNG KIẾT       | 08/06/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 13  | 2119180020 | ĐỖ THÀNH NAM         | 02/02/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 7.0      | 5.0       | 5.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 14  | 2119180019 | NGUYỄN HOÀI NAM      | 16/09/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 15  | 2119180021 | NGUYỄN VĂN NGHĨA     | 15/01/2001 | CCQ1918A |       |             |                                                                                       |          |           |         | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 16  | 2119180022 | TRẦN TẤN PHÚC        | 26/08/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 10       | 9.0       | 9.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 17  | 2119180023 | NGUYỄN TẤN QUÍ       | 31/01/2000 | CCQ1918A |       |             |  | 8.0      | 8.0       | 8.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 18  | 2119180085 | NGUYỄN THÀNH SƠN     | 20/11/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 10       | 9.0       | 9.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 19  | 2119180024 | NGUYỄN CÔNG TÀI      | 01/01/2000 | CCQ1918A |       |             |  | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 20  | 2119180027 | NGUYỄN VIỆT THÀNH    | 11/01/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

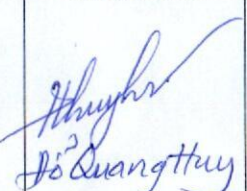
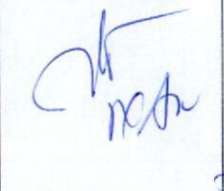
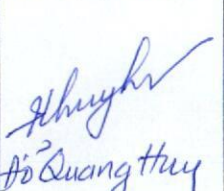
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh) (228249) - Nhóm 01**

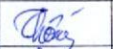
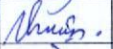
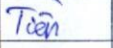
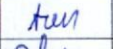
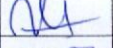
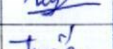
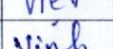
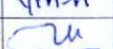
CBGD: **BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (280096)**

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

| Cán bộ coi thi 1                                                                    | Cán bộ coi thi 2                                                                    | G.Viên chấm thi 1                                                                   | G.Viên chấm thi 2                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV                                                                            | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|-------------------|------------|----------|-------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|---------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 21  | 2119180028 | NGUYỄN MINH THỐNG | 09/09/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 8.0      | 8.0       | 8.0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 22  | 2119180029 | NGUYỄN VĂN THUẬN  | 01/01/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 10       | 9.0       | 9.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 23  | 2119180031 | TRẦN THANH TIỀN   | 27/01/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 10       | 9.0       | 9.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 24  | 2119180032 | NGUYỄN VĂN TIẾN   | 11/07/2000 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 25  | 2119180033 | NGUYỄN TRUNG TÍNH | 20/10/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 26  | 2119180034 | TRƯƠNG ĐÌNH TRUNG | 27/03/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 27  | 2119180037 | NGUYỄN TRƯỜNG     | 25/08/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 28  | 2119180036 | NGUYỄN ĐAN TRƯỜNG | 18/10/2001 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 29  | 2119180040 | PHAN THANH TÚ     | 01/01/2000 | CCQ1918A |       |             |    | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 30  | 2119180039 | NGUYỄN QUANG TÙNG | 09/02/2001 | CCQ1918A |       |             |   | 10       | 9.0       | 9.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 31  | 2119180038 | TRẦN TRỌNG TUYẾN  | 20/03/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 32  | 2118180082 | PHAN VĂN VIỆT     | 04/01/2000 | CCQ1818B |       |             |  | 8.0      | 7.0       | 7.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 33  | 2119180041 | TRẦN NGỌC VINH    | 30/05/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 9.0      | 9.0       | 9.0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 34  | 2119180042 | NGUYỄN TUẤN VŨ    | 24/07/2001 | CCQ1918A |       |             |  | 9.0      | 8.0       | 8.4     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |